

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/02/2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Nguyên

2. Ông Bùi Văn Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim N, sinh năm 1991;

Cư trú tại: Số nhà 526/AL, ấp A, xã A1, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Châu Quới T, sinh ngày 26/10/1977;

Quốc tịch: Hoa Kỳ;

Hộ chiếu số 481672248;

Địa chỉ: X Agate Ave L NV 89148, Hoa Kỳ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 30/3/2022, nguyên đơn bà Phan Thị Kim N trình bày:

Bà quen biết và tự nguyện kết hôn với ông Châu Quới T. Bà và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre vào ngày 20/7/2011. Sau khi kết

hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc tại tỉnh An Giang, khoảng một năm sau thì ông T về Hoa Kỳ và không còn liên lạc với bà cho đến nay. Trong quá trình chung sống bà và ông T có một con chung là Châu Quốc B, sinh ngày 21/05/2012, hiện do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Châu Quới T; bà không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn;

- Về nuôi con chung: Bà và ông T có 01 con chung là Châu Quốc B, sinh ngày 21/05/2012, hiện do bà trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con;

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Ngày 09/01/2023, bà Phan Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt bà trong toàn bộ quá trình tố tụng.

Tòa án đã thực hiện các thủ tục ủy thác tư pháp để tiến hành tổng đạt cho ông Châu Quới T và niêm yết thông báo thụ lý vụ án theo quy định pháp luật nhưng ông Châu Quới T vắng mặt không tham gia tố tụng cũng như không có văn bản trình bày ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Phan Thị Kim N yêu cầu được ly hôn với ông Châu Quới T hiện đang sinh sống tại Hoa Kỳ nên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38, Điều 469 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Phan Thị Kim N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và ông Châu Quới T vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phan Thị Kim N và ông Châu Quới T là phù hợp với quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện các thủ tục ủy thác tư pháp để tiến hành tổng đạt cho ông Châu Quới T và niêm yết thông báo thụ lý vụ án cùng thời gian mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 nhưng ông Châu Quới T vắng mặt không tham gia tố tụng cũng như không có văn bản

trình bày ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết theo quy định.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Phan Thị Kim N và ông Châu Quới T tự nguyện quen biết, tìm hiểu tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre vào ngày 20/7/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại tỉnh An Giang và không có mâu thuẫn gì, nhưng khoảng một năm sau thì ông Châu Quới T trở về Hoa Kỳ và không còn liên lạc với bà N. Do khoảng cách địa lý, vợ chồng không có điều kiện để gặp mặt, bà N có cố gắng liên lạc với ông T nhưng không có kết quả nên hiện nay vợ chồng không còn tình cảm. Xét thấy, giữa bà Phan Thị Kim N và ông Châu Quới T không còn sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được; bà N yêu cầu ly hôn với ông T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà Phan Thị Kim N được ly hôn với ông Châu Quới T, ghi nhận việc bà N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Bà Phan Thị Kim N và ông Châu Quới T có một con chung là Châu Quốc B, sinh ngày 21/05/2012, hiện do bà N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, yêu cầu này của bà N là có cơ sở nên được chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà N trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận được ý kiến của ông T về phần này nên không xem xét.

Về nợ chung: Bà N trình bày không có, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007026 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

[4] Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mà bà Phan Thị Kim N đã nộp theo biên lai thu số 0007033 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Phan Thị Kim N đối với ông Châu Quới T.

- Về hôn nhân: Bà Phan Thị Kim N được ly hôn với ông Châu Quới T; bà N không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

- Về con chung: Bà Phan Thị Kim N được quyền tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là Châu Quốc B, sinh ngày 21/05/2012, ông T không cấp dưỡng nuôi con do bà N không có yêu cầu.

Ông Châu Quới T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở ông T thực hiện quyền, nghĩa vụ này; tuy nhiên khi người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Phan Thị Kim N trình bày không có, Tòa án cũng không nhận được ý kiến phần này của ông Châu Quới T nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Phan Thị Kim N trình bày không có, Tòa án không nhận được đơn yêu cầu độc lập của bên thứ ba nên không giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Phan Thị Kim N phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007026 ngày 13 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre. Bà N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

3. Về lệ phí, chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Sung quỹ nhà nước số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) mà bà Phan Thị Kim N đã nộp theo biên lai thu số 0007033 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Bà Phan Thị Kim N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật. Ông Châu Quới T được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục THADS tỉnh Bến Tre;
- UBND tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt